

Tp. Hồ chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO TUẦN 15
(từ ngày 11/4/2026 đến 17/4/2026)

I. TÌNH HÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2025-2026

Diện tích phục vụ vụ Đông Xuân 2025-2026 là: **21.005,6 ha**, cụ thể:

- | | |
|---|---------------------|
| 1. Khu vực Củ Chi | : 9.719,4 ha |
| – Hệ thống CTTL Kênh Đông Củ Chi | : 7.843,3 ha; |
| – Hệ thống CTTL An Phú – Phú Mỹ Hưng | : 542,2 ha ; |
| – Đê bao VSSG đoạn từ rạch Thai thai đến cầu BS | : 104,3 ha ; |
| – Đê bao VSSG từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen | : 55,1 ha; |
| – Hệ thống thủy lợi VSSG từ rạch Láng The đến sông Lu | : 527,5 ha ; |
| – Hệ thống thủy lợi xã Tân Thạnh Đông | : 647,0 ha . |
| 2. Khu vực HM-BBC (XNHM-BC) | : 4.710,3 ha |
| – Hệ thống CTTL Hóc Môn – Bắc Bình Chánh | : 4.211,5 ha; |
| – Công trình Nạo vét, cải tạo rạch Cầu Sa | : 498,8 ha. |
| 3. Khu vực Quận 12- HM (XN-NRT) | : 4.115,6 ha |
| – TTL bờ hữu VSSG huyện Củ Chi từ TL8 đến rạch Tra (BRT): | 809,4 ha; |
| – CTTL bờ hữu VSSG từ sông Vàm Thuật đến rạch Tra (NRT): | 2.834,4 ha; |
| – Cống ngăn triều rạch Ông Đụng | : 339,2 ha; |
| – Hệ thống thủy lợi Cây Xanh – Bà Bép | : 133,1 ha. |
| 4. Khu vực Thủ Đức (XNTĐ) | : 2.460,3 ha |
| – Công trình tiêu thoát nước Suối Nhum | : 541,0 ha; |
| – Công trình 05 cống ngăn triều | : 1.919,3 ha. |

II. TÌNH HÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU NĂM 2026

Diện tích phục vụ vụ Hè Thu năm 2026 đến ngày 17/4/2026 là: **7.826 ha**, cụ thể:

- | | |
|---|----------------------|
| 1. Khu vực Củ Chi | : 2.609,4 ha |
| – Hệ thống CTTL Kênh Đông Củ Chi | : 2.218,9 ha; |
| – Hệ thống CTTL An Phú – Phú Mỹ Hưng | : 82,8 ha; |
| – Đê bao VSSG đoạn từ rạch Thai thai đến cầu BS | : 19,2 ha; |
| – Đê bao VSSG từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen | : 29,4 ha; |
| – Hệ thống thủy lợi VSSG từ rạch LT đến sông Lu | : 229,5 ha; |
| – Hệ thống thủy lợi xã Tân Thạnh Đông | : 29,6 ha. |
| 2. Khu vực XNHM-BC quản lý | : 2.216,4 ha. |
| – CTTL Hóc Môn – Bắc Bình Chánh | : 1.717,6 ha |
| – Công trình Nạo vét, cải tạo rạch Cầu Sa | : 498,8 ha. |
| 3. Khu vực Thủ Đức (XNTĐ) | : 2.460,3 ha. |
| – Công trình tiêu thoát nước Suối Nhum | : 541,0 ha; |
| – Công trình 05 cống ngăn triều | : 1.919,3 ha. |
| 4. Khu vực Nam rạch Tra | : 540,5 ha. |
| – CTTL Bắc rạch Tra | : 60,9 ha; |
| – CTTL Nam rạch Tra | : 281,0 ha; |

- Công ngăn triều rạch Ông Đụng : 4,0 ha;
- Hệ thống thủy lợi Cây Xanh – Bà Bép : 194,6 ha.

III. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC:

1. Lượng nước sử dụng:

a. Lượng nước trong tuần qua CĐT K34 và CĐK N25 từ ngày 11/4/2026 đến ngày 17/4/2026: 6.640.810 m³, cụ thể:

Ngày	K34					N25	
	MNTL	MNHL	A	Q(m ³ /s)	W(m ³)	Q(m ³ /s)	W(m ³)
11/4/2026	13,48	12,78	0,5	8,51	735.287	2,00	173.128
12/4/2026	13,17	12,60	0,4	6,11	527.829	0,93	80.526
13/4/2026	13,56	12,82	0,5	8,75	756.003	2,83	244.839
14/4/2026	13,50	12,78	0,5	8,63	745.717	2,14	185.081
15/4/2026	13,57	13,18	0,8	10,33	892.905	2,84	245.502
16/4/2026	13,51	13,20	0,8	9,21	796.075	2,10	181.315
17/4/2026	13,65	13,20	0,7	9,66	834.614	2,80	241.989
Tổng cộng					5.288.430		1.352.380

b. Lượng nước từ ngày 01/12/2025 đến 17/4/2026 là **150,28** triệu m³ (trong đó K34+644: 117,09 triệu m³, K0-N25: 33,19 triệu m³).

c. Tình hình điều tiết nước: Tổ chức điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

2. **Chất lượng nguồn nước kênh Đông:** Độ đục dao động từ (13,0÷19,23) NTU và pH dao động từ (7,06÷7,27).

3. **Mức nước Hồ Dầu Tiếng:** Dao động từ (21,14÷21,22)m.

	Mức nước năm 2026(m)	Mức nước năm 2025 (m)
11/4/2026	21,22	21,46
12/4/2026	21,22	21,45
13/4/2026	21,22	21,42
14/4/2026	21,21	21,39
15/4/2026	21,19	21,36
16/4/2026	21,17	21,35
17/4/2026	21,14	21,32

4. Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:

- Mực nước Max trong tuần:

- + Công Gò Dưa : + 1,10 m
- + Công Ba Thôn : + 1,05 m
- + RT12 (bắc Rạch Tra): + 0,95 m
- + Công kênh C : + 1,08 m
- + Công An Hạ : + 0,83 m

– **Chất lượng nước:**

STT	Vị trí	Độ pH		Độ mặn (2026) Ngày 17/04/2026		Độ mặn (2025) Ngày 15/4/2025	
		PS	PĐ	PS	PĐ	PS	PĐ
1	Công Tân Kiên	6,93	7,03	2,9	1,1	4,8	1,2
2	Công kênh C	7,02	6,95	2,6	0,9	4,0	0,8
3	Công kênh B	6,73	6,83	2,4	0,8	3,2	0,7
4	Công kênh A	6,83	6,74	2,1	0,6	2,7	0,5
5	Ngã ba Lý Mạnh	6,57		1,8		2,1	
6	CC kênh Ranh	6,61		0,7		0,7	
7	Công An Hạ	6,54	6,60	0,5		0,4	
8	Công T10	6,49		0,2		0,2	

IV. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:

- Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường;
- Công trình 5 công ngăn triều quận Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;
- Công trình Nam rạch Tra (công Ba Thôn, Đá Hàn): Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.